SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
BỆNH VIỆN C

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sông Công, ngày 27 tháng 5 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Bệnh viện C có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: "Cung cấp và lắp đặt hệ thống cửa nhôm kính, vách kính và mái tôn cho các Khoa của Bệnh viện C" với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện C

Địa chỉ: Số 595 Trần Hưng Đạo, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá

Họ tên: Hoàng Quốc Tuấn

Số điện thoại: 0968.828.935

Địa chỉ gmail: vanthu14bvc@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp: nhà cung cấp dịch vụ báo giá bằng văn bản, có chữ ký và dấu đỏ của đơn vị gửi về địa chỉ: Bệnh viện C, số 595 Trần Hưng Đạo, phường Sông công, tỉnh Thái Nguyên.

- Hoặc nhận qua Gmail: Nhà cung cấp dịch vụ báo giá bằng File mềm (bản PDF và văn bản Excel) gửi vào Gmail: vanthu14bvc@gmail.com.

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 15 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 5 năm 2026 đến 15 giờ 00 phút, ngày 01 tháng 6 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá có hiệu lực.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục kèm mô tả yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật và thông tin liên quan (chi tiết theo bảng phụ lục kèm theo công văn này)

2. Địa điểm cung cấp: Phòng Hành chính quản trị Bệnh viện C, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: từ tháng 7 năm 2026.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không có tạm ứng, thanh toán 1 lần bằng hình thức chuyển khoản sau khi nhận được hàng và đầy đủ hóa đơn, hợp đồng, biên bản bàn giao và nghiệm thu, bảng xác định khối lượng công việc hoàn thành, thanh lý hợp đồng.

5. Thông tin khác:

Báo giá bằng tiền đồng Việt Nam đã bao gồm thuế VAT và tất cả chi phí liên quan.

Rất mong nhận được sự quan tâm và gửi báo giá của Quý đơn vị.

Bệnh viện C xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu VT, HCQT (Tuanhq).

GIÁM ĐỐC

Lê Thị Thanh Bình

PHỤ LỤC

DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo yêu cầu báo giá ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Bệnh viện C)

STT	Nội dung công việc	Quy cách, thông số kỹ thuật	ĐVT	Kích thước		Số lượng (Cái)	Số lượng (m^2)
				Rộng	Cao		
1. KHOA NỘI THẬN TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU							
1.1	Cửa đi	KT: Rộng 1,2m; cao 2,71m Chất liệu: Hệ 55 trắng sứ, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	1,2	2,71	1	3,25
2. KHOA GÂY MÊ HỒI SỨC							
2.1	Cửa đi	KT: Rộng 1,5m; cao 2,44m Chất liệu: Hệ Xingfa trắng sứ, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	1,5	2,44	1	3,66
3. KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH							
3.1	Cửa đi	KT: Rộng 2,95m; cao 3,32m Chất liệu: Hệ 55 cát cháy, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	2,95	3,32	1	9,79
3.2	Cửa đi	KT: Rộng 1,54m; cao 3,3m Chất liệu: Hệ 55 cát cháy, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	1,54	3,3	1	5,08
3.3	Cửa đi	KT: Rộng 2,93m; cao 2,4m Chất liệu: Hệ 55 cát cháy, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	2,93	2,4	1	7,03
3.4	Vách Cố Định	KT: Rộng 2,93m; cao 0,65m Chất liệu: Hệ 55 cát cháy, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	2,930	0,65	1	1,90
3.5	Cửa đi	KT: Rộng 1,71m; cao 3,27m Chất liệu: Hệ 55 cát cháy, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	1,71	3,27	1	5,59
3.6	Cửa đi	KT: Rộng 1,0m; cao 2,48m Chất liệu: Hệ 55 cát cháy, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	1,0	2,48	1	2,48
4. KHOA NỘI TỔNG HỢP							
4.1	Cửa đi	KT: Rộng 2,19m; cao 2,69m Chất liệu: Hệ Xingfa cát cháy, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	2,19	2,69	2	11,78
4.2	Cửa đi	KT: Rộng 1,41m; cao 2,71m Chất liệu: Hệ 55 trắng sứ,	m^2	1,41	2,71	2	7,64

STT	Nội dung công việc	Quy cách, thông số kỹ thuật	ĐVT	Kích thước		Số lượng (Cái)	Số lượng (m^2)
				Rộng	Cao		
		Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm					
4.3	Cửa đi	KT: Rộng 0,7m; cao 2,09m Chất liệu: Hệ 55 trắng sứ, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	0,7	2,09	2	2,93
4.4	Cửa đi	KT: Rộng 0,8m; cao 2,30m Chất liệu: Hệ 55 trắng sứ, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	0,8	2,3	1	1,84
4.5	Cửa sổ	KT: Rộng 1,4m; cao 1,8m Chất liệu: Hệ 55 trắng sứ, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	1,4	1,8	2	5,04
4.6	Cửa đi	KT: Rộng 1,61m; cao 1,35m Chất liệu: Hệ 55 cát cháy, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	1,61	1,35	1	2,17
4.7	Vách Cố Định	KT: Rộng 2,72m; cao 0,74m Chất liệu: Hệ 55 cát cháy, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	2,72	0,74	1	2,01
5. KHOA PHỤ SẢN							
5.1	Cửa đi	KT: Rộng 2,17m; cao 2,69m Chất liệu: Hệ Xingfa cát cháy, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	2,17	2,69	1	5,84
5.2	Cửa đi	KT: Rộng 2,12m; cao 2,42m Chất liệu: Hệ Xingfa cát cháy, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	2,12	2,42	1	5,13
5.3	Cửa đi	KT: Rộng 1,17m; cao 2,4m Chất liệu: Hệ 55 trắng sứ, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	1,17	2,4	2	5,62
5.4	Cửa đi	KT: Rộng 1,18m; cao 2,42m Chất liệu: Hệ 55 trắng sứ, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	1,18	2,42	1	2,86
5.5	Cửa sổ	KT: Rộng 1,2m; cao 1,5m Chất liệu: Hệ 55 trắng sứ, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	1,2	1,5	3	5,40
5.6	Cửa đi	KT: Rộng 0,88m; cao 2,38m Chất liệu: Hệ 55 trắng sứ, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	0,88	2,38	2	4,19

STT	Nội dung công việc	Quy cách, thông số kỹ thuật	ĐVT	Kích thước		Số lượng (Cái)	Số lượng (m^2)
				Rộng	Cao		
5.7	Cửa đi	KT: Rộng 0,96m; cao 2,39m Chất liệu: Hệ 55 trắng sứ, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	0,96	2,39	1	2,29
5.8	Cửa đi	KT: Rộng 1,17m; cao 2,41m Chất liệu: Hệ 55 trắng sứ, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	1,170	2,41	1	2,82
5.9	Cửa đi	KT: Rộng 1,63m; cao 1,56m Chất liệu: Hệ 55 cát cháy, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	1,63	1,56	1	2,54
5.10	Vách Cố Định	KT: Rộng 0,78m; cao 1,56m Chất liệu: Hệ 55 cát cháy, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	0,78	1,56	1	1,22
5.11	Cửa đi	KT: Rộng 1.18m; cao 2,38m Chất liệu: Hệ 55 trắng sứ, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	1,18	2,38	1	2,81
5.12	Cửa đi	KT: Rộng 2.14m; cao 2.41m Chất liệu: Hệ xingfa cát cháy, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	2,14	2,41	1	5,16
5.13	Cửa đi	KT: Rộng 1.18m; cao 2,39m Chất liệu: Hệ 55 trắng sứ, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	1,18	2,39	2	5,64
6. KHOA TRUYỀN NHIỄM - DA LIỄU							
6.1	Cửa đi	KT: Rộng 2,15m; cao 2,69m Chất liệu: Hệ Xingfa cát cháy, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	2,15	2,69	1	5,78
6.2	Cửa đi	KT: Rộng 1,18m; cao 2,68m Chất liệu: Hệ 55 trắng sứ, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	1,18	2,68	1	3,16
6.3	Cửa đi	KT: Rộng 1,2m; cao 2,69m Chất liệu: Hệ 55 trắng sứ, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	1,2	2,69	2	6,46
6.4	Mái tôn	KT: Rộng 0,8m; cao 10m Chất liệu: Mái tôn thường tôn dầy 0.4	m^2	0,8	10	1	8,00
6.5	Cửa đi	KT: Rộng 1,66 m; cao 1,32m Chất liệu: Hệ 55 cát cháy, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^3	1,66	1,32	1	2,19

STT	Nội dung công việc	Quy cách, thông số kỹ thuật	ĐVT	Kích thước		Số lượng (Cái)	Số lượng (m^2)
				Rộng	Cao		
6.6	Vách Cố Định	KT: Rộng 2,85m; cao 0,73m Chất liệu: Hệ 55 cát cháy, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^4	2,85	0,73	1	2,08
6.7	Cửa đi	KT: Rộng 0,8m; cao 2,17m Chất liệu: Hệ 55 trắng sứ, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^5	0,8	2,17	1	1,74
7. KHOA NHI							
7.1	Cửa đi	KT: Rộng 1,21m; cao 2,39m Chất liệu: Hệ 55 trắng sứ, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	1,21	2,39	2	5,78
7.2	Cửa đi	KT: Rộng 0,89m; cao 2,39m Chất liệu: Hệ 55 trắng sứ, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	0,89	2,39	1	2,13
7.3	Cửa đi	KT: Rộng 1,2m; cao 2,39m Chất liệu: Hệ 55 trắng sứ, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	1,20	2,39	2	5,74
7.4	Cửa sổ	KT: Rộng 1,2m; cao 1,5m Chất liệu: Hệ 55 trắng sứ, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	1,2	1,5	3	5,40
7.5	Cửa đi	KT: Rộng 2,13m; cao 2,38m Chất liệu: Hệ Xingfa cát cháy, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	2,13	2,38	1	5,07
7.6	Cửa đi	KT: Rộng 1.67m; cao 1.56m Chất liệu: Hệ 55 cát cháy, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	1,67	1,56	1	2,61
7.7	Vách Cố Định	KT: Rộng 2.8m; cao 0.78m Chất liệu: Hệ 55 cát cháy, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	2,8	0,78	1	2,18
8. KHOA NỘI TIM MẠCH - LÃO KHOA							
8.1	Cửa đi	KT: Rộng 1,32m; cao 2,48m Chất liệu: Hệ 55 trắng sứ, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	1,32	2,48	2	6,55
8.2	Cửa đi	KT: Rộng 2,31m; cao 2,51m Chất liệu: Hệ Xingfa cát cháy, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	2,31	2,51	1	5,80
8.3	Cửa đi	KT: Rộng 2,39m; cao 2,51m Chất liệu: Hệ Xingfa cát	m^2	2,39	2,51	1	6,00

STT	Nội dung công việc	Quy cách, thông số kỹ thuật	ĐVT	Kích thước		Số lượng (Cái)	Số lượng (m^2)
				Rộng	Cao		
		cháy, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm					
8.4	Cửa đi	KT: Rộng 1,59m; cao 1,54m Chất liệu: Hệ 55 cát cháy, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	1,59	1,54	1	2,45
8.5	Vách Cố Định	KT: Rộng 2,85m; cao 0.77m Chất liệu: Hệ 55 cát cháy, Kính dán an toàn 2 lớp 6,38 mm	m^2	2,85	0,77	1	2,19
TỔNG CỘNG: 08 HẠNG MỤC							